

Số: 86./CV-DLG

Gia Lai, ngày 20 tháng 5 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.**

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Mã chứng khoán: DLG

Địa chỉ trụ sở chính: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (84-269) 3748 367

Fax: (84-269) 3747 366

Người thực hiện công bố thông tin: Trần Cao Châu

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (84-269) 3748 367

Fax: (84-269) 3747 366

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai công bố thông tin:

- Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2019;
- Báo cáo tài chính riêng lẻ kiểm toán năm 2019;
- Công văn số 85 /2020/CV-DLGL ngày 20/5/2020 về việc giải trình liên quan đến BCTC kiểm toán năm 2019.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/5/2020 tại đường dẫn:

Website công ty: <http://duclonggroup.com/bao-cao-tai-chinh.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019;
- BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2019;
- Công văn 85 /2020/CV-DLGL

  
**TRẦN CAO CHÂU**

Số : 85 /2020/CV-DLGL

“V/v giải trình liên quan đến BCTC kiểm  
toán năm 2019

Pleiku, ngày 20 tháng 05 năm 2020

**Kính gửi : Ủy Ban chứng khoán nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ vào :

- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2019 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC;
- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất Quý 4 năm 2019 đã được công bố;

Công ty xin giải trình các chênh lệch liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 như sau :

**I. Giải trình số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả kinh doanh chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên**

**1. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Chênh lệch	% Tăng/giảm	Ghi chú
		Sau kiểm toán	Trước kiểm toán			
1	Giá vốn hàng bán	482.148.713.913	490.337.465.292	(8.188.751.379)	(1,7%)	(1)
2	Doanh thu hoạt động tài chính	324.074.187.753	240.751.042.474	83.323.145.279	34,6%	(2)
3	Chi phí tài chính	256.400.313.252	198.862.147.107	57.538.166.145	28,9%	(3)
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	87.086.883.816	36.113.036.502	50.973.847.314	141,2%	(4)
5	Thu nhập khác	768.957.106	45.738.012	723.219.094	1581,2%	(5)
6	Chi phí khác	26.839.048.197	14.160.969.802	12.678.078.395	89,5%	(6)
7	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(36.581.425.337)</b>	<b>(7.626.449.235)</b>	<b>(28.954.976.102)</b>	379,7%	
8	Chi phí thuế TNDN hiện hành	284.356.671	2.970.236.396	(2.685.879.725)	(90,4)%	
9	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>(36.865.782.008)</b>	<b>(10.596.685.631)</b>	<b>(26.269.096.377)</b>	247,9%	(7)

Lợi nhuận sau thuế TNDN giảm 26,2 tỷ đồng so với số liệu trước kiểm toán, chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- (1) Giảm 8,18 tỷ đồng do trình bày lại chi phí vườn cây cao su từ giá vốn hàng bán sang chi phí khác phần khấu hao vườn cây cao su 8,79 tỷ đồng và ghi nhận bổ sung giá vốn hàng hóa 0,6 tỷ đồng.
- (2) Tăng 83,3 tỷ đồng do Công ty ghi nhận lợi nhuận từ công ty con 84,72 tỷ đồng và đồng thời ghi giảm lãi cho vay đối với công nợ đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 1,4 tỷ đồng.
- (3) Tăng 57,5 tỷ đồng do Công ty trích lập dự phòng đầu tư tài chính của các công ty thành viên số tiền 53,3 tỷ đồng và ghi nhận bổ sung lãi vay 4,2 tỷ đồng.
- (4) Tăng 50,97 tỷ đồng do trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi hạch toán tăng chi phí quản lý doanh nghiệp.
- (5) Tăng 723 triệu đồng là lợi nhuận từ nhượng bán tài sản.

- (6) Tăng 12,6 tỷ đồng do trình bày lại chi phí vườn cây cao su từ giá vốn hàng bán sang chi phí khác và ghi nhận bổ sung tiền chậm nộp thuế trong năm 2019.
- (7) Do ảnh hưởng của các nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 28,95 tỷ đồng, thuế TNDN giảm 2,69 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 sau kiểm toán lỗ 36,8 tỷ đồng so với cùng kỳ giảm 26,2 tỷ đồng tương ứng giảm 247,9%.

## 2. Tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019		Chênh lệch	% Tăng/giảm	Ghi chú
		Sau kiểm toán	Trước kiểm toán			
1	Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	2.873.271.991.767	2.863.739.095.134	9.532.896.633	0,33%	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	9.479.336	639.081.288	(629.601.952)	-98,52%	(1)
3	Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	2.873.262.512.431	2.863.100.013.846	10.162.498.585	0,35%	
4	Giá vốn hàng bán	2.343.579.868.737	2.352.809.935.556	(9.230.066.819)	-0,39%	
5	<b>Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>529.682.643.694</b>	<b>510.290.078.290</b>	<b>19.392.565.404</b>	<b>3,80%</b>	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	263.274.164.446	262.270.473.051	1.003.691.395	0,38%	
7	Chi phí tài chính	386.793.741.442	369.554.179.646	17.239.561.796	4,66%	
8	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>363.394.196.877</i>	<i>360.846.404.323</i>	<i>2.547.792.554</i>	<i>0,71%</i>	
9	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	156.825.830	273.214	156.552.616	57300,36%	(2)
10	Chi phí bán hàng	25.851.029.513	35.616.746.485	(9.765.716.972)	-27,42%	(3)
11	Chi phí quản lý doanh nghiệp	298.670.523.538	197.329.755.456	101.340.768.082	51,36%	(4)
12	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>81.798.339.477</b>	<b>170.060.142.968</b>	<b>(88.261.803.491)</b>	<b>-51,90%</b>	
13	Thu nhập khác	2.203.700.583	3.306.876.891	(1.103.176.308)	-33,36%	(5)
14	Chi phí khác	45.582.460.085	32.145.515.040	13.436.945.045	41,80%	(6)
15	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(43.378.759.502)</b>	<b>(28.838.638.149)</b>	<b>(14.540.121.353)</b>	<b>50,42%</b>	
16	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>38.419.579.975</b>	<b>141.221.504.819</b>	<b>(102.801.924.844)</b>	<b>-72,79%</b>	
17	Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.448.244.090	26.963.688.991	1.484.555.099	5,51%	(7)
18	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	17.429.936.776	6.383.807.177	11.046.129.599	173,03%	(8)
19	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>(7.458.600.891)</b>	<b>107.874.008.651</b>	<b>(115.332.609.542)</b>		(9)

Lợi nhuận sau thuế TNDN giảm 115,3 tỷ đồng so với số liệu trước kiểm toán, chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- (1) Các khoản giảm trừ doanh thu giảm 629,6 triệu đồng do phần ghi nhận giảm giá hàng bán của Công ty TNHH Mass Noble Investments giảm sau kiểm toán.
- (2) Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết tăng do sau kiểm toán Lợi nhuận kế toán sau thuế của Công ty liên kết từ 1,143 tỷ tăng lên 1,822 tỷ đồng, dẫn đến lãi tương ứng trong công ty liên kết cũng tăng.
- (3) Chi phí bán hàng giảm 9,7 tỷ đồng tương ứng 27,42% do một phần chi phí bán hàng hoa hồng, vận chuyển... trong năm do 1 số Công ty con ghi nhận sai khoản mục chi phí, sau kiểm toán điều chỉnh từ chi phí bán hàng sang chi phí quản lý doanh nghiệp.
- (4) Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng hơn 101,3 tỷ đồng tương ứng 51,36%. Trong đó chi phí bán hàng ghi nhận điều chỉnh sang là 9,7 tỷ đồng, Công ty TNHH Mass Noble Investments và Công ty CP Cà Phê Gia Lai ghi nhận bổ sung chi phí nguyên liệu, nhân công. Bên cạnh đó Công ty mẹ và các Công ty con tăng khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi sau kiểm toán đánh giá và phân loại các khoản nợ phải thu chưa thu hồi được.

- (5) Thu nhập khác giảm 1,1 tỷ đồng tương ứng giảm 33,36% do Công ty CP Cà Phê Gia Lai điều chỉnh giảm một số khoản thu trong năm không đủ điều kiện ghi nhận thu nhập sau kiểm toán.
- (6) Chi phí khác tăng 13,4 tỷ sau kiểm toán vì Công ty mẹ trình bày lại chi phí vườn cây cao su từ giá vốn hàng bán sang chi phí khác và ghi nhận bổ sung tiền chậm nộp thuế trong năm 2019 tại Công ty mẹ và công ty con.
- (7) Thuế TNDN phải nộp tăng 1,4 tỷ đồng do sau khi kiểm toán điều chỉnh tăng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty TNHH Mass Noble Investments trong năm ghi nhận thiếu nên lợi nhuận tính thuế tăng.
- (8) Chi phí thuế TNDN hoãn lại tăng 11,04 tỷ đồng do tăng thuế TNDN hoãn lại phải nộp từ hoàn nhập khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính tại Công ty mẹ và khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi giữa Công ty con với Công ty mẹ trong năm.
- (9) Từ các nguyên nhân trên dẫn đến Lợi nhuận sau thuế năm 2019 giảm 115,3 tỷ đồng so với Lợi nhuận sau thuế năm 2019 trước kiểm toán.

**II. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.  
Tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.**

Stt	Chỉ tiêu	Sau kiểm toán		Chênh lệch	%	Ghi chú
		Năm 2019	Năm 2018			
1	Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	2.873.271.991.767	2.916.841.652.989	(43.569.661.222)	-1,49%	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	9.479.336	2.549.203.055	(2.539.723.719)	-99,63%	(1)
3	Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	2.873.262.512.431	2.914.292.449.934	(41.029.937.503)	-1,41%	
4	Giá vốn hàng bán	2.343.579.868.737	2.483.969.317.285	(140.389.448.548)	-5,65%	
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	529.682.643.694	430.323.132.649	99.359.511.045	23,09%	(2)
6	Doanh thu hoạt động tài chính	263.274.164.446	161.664.449.009	101.609.715.437	62,85%	(3)
7	Chi phí tài chính	386.793.741.442	342.436.106.280	44.357.635.162	12,95%	(4)
8	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	363.394.196.877	329.332.578.988	34.061.617.889	10,34%	
9	Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	156.825.830	25.586.826	131.239.004	512,92%	(5)
10	Chi phí bán hàng	25.851.029.513	27.430.234.006	(1.579.204.493)	-5,76%	
11	Chi phí quản lý doanh nghiệp	298.670.523.538	193.870.330.971	104.800.192.567	54,06%	(6)
12	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	81.798.339.477	28.276.497.227	53.521.842.250	189,28%	
13	Thu nhập khác	2.203.700.583	24.085.705.731	(21.882.005.148)	-90,85%	(7)
14	Chi phí khác	45.582.460.085	15.813.223.139	29.769.236.946	188,26%	(8)
15	Lợi nhuận khác	(43.378.759.502)	8.272.482.592	(51.651.242.094)		
16	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.419.579.975	36.548.979.819	1.870.600.156	5,12%	
17	Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.448.244.090	17.662.306.779	10.785.937.311	61,07%	(9)
18	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	17.429.936.776	4.533.543.670	12.896.393.106	284,47%	(10)
19	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(7.458.600.891)	14.353.129.370	(21.811.730.261)		(11)

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 giảm so với năm 2018, do các nguyên nhân sau:

- (1) Các khoản giảm trừ doanh thu năm 2019 giảm so với năm 2018 2,5 tỷ đồng vì trong năm 2019 Công ty TNHH Mass Noble Investments không phát sinh khoản giảm giá hàng bán cho người mua.
- (2) Giá vốn hàng bán giảm nên lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 99,3 tỷ đồng so với năm 2018.
- (3) Doanh thu hoạt động tài chính tăng 62,85% so với năm 2018 do Công ty mẹ tăng thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH SX-TM-DV Đồng Phú Hưng.

- (4) Chi phí tài chính tăng 44,3 tỷ đồng tương ứng 12,95% so với năm 2018 nguyên nhân vì lãi suất vay tại các tổ chức tín dụng tăng nên chi phí lãi vay cũng tăng và công ty mẹ trích lập khoản dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư Công ty CP Khai Thác và Chế Biến Khoáng Sản Đức Long Gia Lai hơn 18,1 tỷ đồng.
- (5) So với cùng kỳ thì tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại các Công ty liên kết thuận lợi doanh thu tăng nên phần lãi trong công ty liên doanh liên kết tăng 131,2 triệu đồng.
- (6) Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019 tăng 104,8 tỷ đồng so với năm 2018 vì Công ty mẹ và các Công ty con tăng khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, chi phí tiền lương của Công ty TNHH Mass Noble Investments cũng tăng so với năm 2018 .
- (7) Thu nhập khác năm 2019 giảm 21,8 tỷ đồng vì Công ty mẹ giảm thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản so với năm 2018.
- (8) Chi phí khác tăng 29,7 tỷ đồng so với năm 2018 do năm 2019 các dự án Bất động sản vướng một số thủ tục nên chậm ký hợp đồng mua bán dẫn đến phát sinh tăng các khoản phạt hợp đồng, tiền chậm nộp thuế tại Công ty mẹ và một số công ty con tăng. Cũng như trong năm 2019 vườn cây cao su tại Công ty mẹ chưa có doanh thu nên chi phí khấu hao đưa vào chi phí khác tăng.
- (9) Chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2019 tăng 61,07% so với năm 2018 do tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng.
- (10) Chi phí thuế TNDN hoãn lại tăng 12,8 tỷ đồng so với năm 2018 vì hoàn nhập khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính tại Công ty mẹ và khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi giữa Công ty con với Công ty mẹ trong năm.
- (11) Từ các nguyên nhân trên làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019 lỗ 7,45 tỷ đồng giảm 21,8 tỷ đồng so với năm 2018.

### III. Giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>38.419.579.975</b>	<b>36.548.979.819</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.448.244.090	17.662.306.779
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	17.429.936.776	4.533.543.670
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>(7.458.600.891)</b>	<b>14.353.129.370</b>

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 lãi 14,3tỷ đồng tình hình sản xuất, kinh doanh năm 2018 thuận lợi hơn so với năm 2019 với lãi suất vay tại các tổ chức tín dụng thấp hơn, trong năm 2018 Công ty mẹ có thêm thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản. Chi phí thuế TNDN hiện hành Công ty TNHH Mass Noble Investments cũng nhận được ưu đãi về các luật thuế được ban hành tại các quốc gia Công ty TNHH Mass Noble Investments đang hoạt động nên thuế TNDN phải nộp cũng thấp hơn năm 2019.
- Năm 2019 lợi nhuận sau thuế TNDN lỗ 7,45tỷ đồng, nguyên nhân do tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng của thiên tai, hạn hán, giá cả nông sản xuống thấp như cà phê, chè... dẫn đến lĩnh vực sản xuất nông nghiệp lỗ so với năm 2018. Riêng về phí BOT không được tăng, theo quy định 3 năm 1 lần 18% theo đúng Hợp đồng BOT đã ký kết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Mặt khác, Công ty mẹ trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư Công ty CP Khai Thác và Chế Biến Khoáng Sản Đức Long Gia Lai hơn 18,1 tỷ đồng và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi Công ty mẹ và các công ty con tăng đáng kể. Ngoài ra thuế TNDN hoãn lại phải nộp tăng từ hoàn nhập khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính tại Công ty mẹ và

khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi giữa Công ty con với Công ty mẹ trong năm. Đây là nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN của năm 2019 lỗ 7,45 tỷ đồng.

#### **IV. Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên báo cáo đã kiểm toán tại báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2019:**

##### **Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ**

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:** “*Khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019, Công ty chưa loại trừ 129.384.905.432 đồng chi phí đi vay vượt mức quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với Doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Nếu thực hiện đúng quy định thì trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, khoản mục “Chi phí thuế TNDN hiện hành” năm 2019 sẽ tăng thêm 20.795.478.213 đồng và khoản mục “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” sẽ giảm một lượng tương ứng. Đồng thời, trên Bảng cân đối kế toán, tại ngày 31/12/2019, khoản mục “Dự phòng phải trả ngắn hạn” sẽ có giá trị là 20.795.478.213 đồng và khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ lỗ lũy kế là 91.278.805.402 đồng.”*

##### **Tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:** “*Khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019, Tập đoàn chưa loại trừ 129.384.905.432 đồng chi phí đi vay vượt mức quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với Doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Nếu thực hiện đúng quy định thì trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, khoản mục “Chi phí thuế TNDN hiện hành” năm 2019 sẽ tăng thêm 20.795.478.213 đồng và khoản mục “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” sẽ giảm một lượng tương ứng. Đồng thời, trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, tại ngày 31/12/2019, khoản mục “Dự phòng phải trả ngắn hạn” sẽ có giá trị là 20.795.478.213 đồng và khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ lỗ lũy kế là 19.899.500.704 đồng.”*

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:** “*Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.”*

##### **Chúng tôi xin giải trình vấn đề này như sau:**

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/HĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với Doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Chúng tôi cho rằng Nghị định 20 nhằm chống chuyển giá, chống chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, áp dụng với các giao dịch liên kết. Công ty không phải là đối tượng chống chuyển giá nên việc loại trừ chi phí lãi vay nộp thuế TNDN là không hợp lý. Nghị định này đang ảnh hưởng nhiều hoạt động sản xuất của Doanh Nghiệp. Được biết hiện nay Thủ tướng đã yêu cầu Bộ tài chính tiếp thu các ý kiến để xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 20/2017/NĐ-CP về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết nhằm tháo gỡ khó khăn cho Doanh nghiệp nên đến nay Công ty tạm thời chưa áp dụng Nghị định số 20/2017/HĐ-CP.

**V. Giải trình vấn đề cần nhấn mạnh trên báo cáo đã kiểm toán tại báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2019.**

- 1. Vấn đề cần nhấn mạnh số 1:** *“Nhu trình bày tại mục (\*) của Thuyết minh số 8, nợ phải thu Tập đoàn Xây dựng Cầu đường, Thủy lợi, Xuất nhập khẩu Daohuensong & Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Một thành viên Lào (“Daohuensong”) liên quan đến Hợp đồng hợp tác số 0062/HĐHT/2014 ngày 04/11/2014 về việc hợp tác xây dựng 05 cây cầu bê tông từ bản Lãng Khăng đến bản Pạc Nặm Phạ Năng, Huyện Bua Lạ Pha, Tỉnh Khăm Muôn, Lào tại thời điểm 31/12/2019 là 121.339.624.484 đồng. Theo điều khoản thanh toán của hợp đồng thì Daohuensong sẽ thanh toán khoản nợ trên cho Công ty khi được Chủ dự án (Sở Giao thông Vận tải Tỉnh Khăm Muôn, Lào) thanh toán. Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản nợ này.”*

**Chúng tôi xin giải trình vấn đề này như sau:**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai ký hợp đồng hợp tác số 0062/HĐHT/2014 ngày 04/11/2014 với Tập đoàn XDCĐ, Thủy lợi, XNK, Daohuensong & Công ty TNHH ĐTPPT MTV Lào về việc hợp tác xây dựng 05 cây cầu bê tông từ bản Lãng Khăng đến bản Pạc Nặm Phạ Năng, Huyện Bua Lại Pha, tỉnh Khăm Muôn, Lào. Công trình này Tập đoàn XDCĐ, thủy lợi, XNK, Daohuensong & Công ty TNHH ĐTPPT MTV Lào được Sở giao thông vận tải tỉnh Khăm Muôn, Lào giao thầu theo hợp đồng số 0693/GTVT ngày 27/03/2012. Đây là công trình của Chính phủ Lào, nguồn thanh toán dựa vào nguồn ngân sách mà Quốc hội Lào phê duyệt và nguồn ngân sách của Tỉnh Khăm Muôn. Do đó, việc thanh toán của Tập đoàn XDCĐ, Thủy lợi, XNK, Daohuensong & Công ty TNHH ĐTPPT MTV Lào cho Công ty chúng tôi cũng phụ thuộc vào tiến độ giải ngân của Sở Giao Thông vận tải tỉnh Khăm Muôn, Lào (Chủ đầu tư).

Hiện tại, việc thi công đối với 5 cây cầu Lào đã được Công ty chúng tôi nghiệm thu theo tiến độ. Tuy nhiên, do các nhà thầu khác chưa hoàn thiện hạng mục đường dẫn ở vị trí hai đầu cầu. Và vấn đề này, Chủ đầu tư đã kiểm tra thực tế và đôn đốc các nhà thầu thi công. Vì vậy, việc thi công chưa hoàn thành nên Chủ đầu tư chưa nghiệm thu để chi trả cho Tập đoàn XDCĐ, thủy lợi, XNK, Daohuensong & Công ty TNHH ĐTPPT MTV Lào. Do đó, Tập đoàn XDCĐ, thủy lợi, XNK, Daohuensong & Công ty TNHH ĐTPPT MTV Lào vẫn chưa thanh toán cho Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

Hiện nay Công ty chúng tôi và các nhà thầu khác đang cùng chủ đầu tư và các bên liên quan tập trung hoàn thiện các hạng mục để giải ngân vốn và thu hồi công nợ trên.

**2. Vấn đề cần nhấn mạnh số 2:**

**Tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ**

*“Nhu trình bày tại mục (\*) của Thuyết minh số 9, tại ngày 31/12/2019, Công ty đã cho một số tổ chức, cá nhân vay 2.041.306.645.776 đồng (tương đương 38% tổng giá trị tài sản). Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.”*

**Tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

*“Nhu trình bày tại mục (\*) của Thuyết minh số 10, tại ngày 31/12/2019, Tập đoàn đã cho một số tổ chức, cá nhân vay 2.398.936.531.330 đồng (tương đương 27,85% tổng giá trị tài sản). Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.”*

**Chúng tôi xin giải trình vấn đề này như sau:** Đây là lưu ý của Công ty kiểm toán đến người đọc Báo cáo tài chính của Công ty.

**3. Vấn đề cần nhấn mạnh số 3:**

### **Tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ**

“Nhu trình bày tại Thuyết minh số 38, Báo cáo tài chính đính kèm được lập dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Tuy nhiên, tại ngày 31/12/2019, Công ty chưa thanh toán cho hầu hết các khoản đi vay đã đến hạn trả (nợ trái phiếu đến hạn trả, nợ vay ngân hàng và nợ một số tổ chức). Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Theo đó, khả năng hoạt động của Công ty phụ thuộc vào hoạt động có lãi trong tương lai và/hoặc kết quả thỏa thuận với các chủ nợ về việc gia hạn/cơ cấu lại nợ gốc, nợ lãi, giảm lãi, ... để đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.”

### **Tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

“Nhu trình bày tại Thuyết minh số 45, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Tuy nhiên, tại ngày 31/12/2019, Tập đoàn chưa thanh toán cho hầu hết các khoản đi vay đã đến hạn trả (nợ trái phiếu đến hạn trả, nợ vay ngân hàng và nợ một số tổ chức). Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Theo đó, khả năng hoạt động của Tập đoàn phụ thuộc vào hoạt động có lãi trong tương lai và/hoặc kết quả thỏa thuận với các chủ nợ về việc gia hạn/cơ cấu lại nợ gốc, nợ lãi, giảm lãi, ... để đảm bảo cho Tập đoàn có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.”

### **Chúng tôi xin giải trình vấn đề này như sau:**

Chúng tôi khẳng định rằng vẫn đang hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường, doanh thu và lợi nhuận vẫn duy trì mức ổn định, dòng lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh nhiều năm gần đây vẫn dương. Hiện nay, Công ty đang làm việc với các ngân hàng, tổ chức tín dụng để cơ cấu lại thời hạn trả nợ gốc vay, giảm lãi suất cho vay phù hợp với dòng tiền của các dự án trong bối cảnh tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn hiện nay, nhằm đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo. Đồng thời, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đang quyết tâm xây dựng các định hướng chiến lược, cấu trúc lại Công ty và tái cơ cấu các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc lập báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Trên đây là giải trình của công ty về một số nội dung liên quan đến báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2019.

Trân trọng kính chào!

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu KT.



**TRẦN CAO CHÂU**